TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 24/2019/DS-ST
Ngày: 27-5-2019
"V/v tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M TỈNH L

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Khanh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Ngọc Bột
2. Bà Phạm Thị Mai
***- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Thành

Ngày 27/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST-DS ngày 15/01/2019 về việc "Tranh chấp đòi tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐ-HPT ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện M, tỉnh L.
Bị đơn: Ông Hồ Tuấn V, sinh năm 1991 (vắng mặt không có lý do)
Địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện M, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 30/10/2018 nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày: Ngày 29/9/2015 âm lịch, ông Hồ Tuấn V có vay của ông Tài số tiền 23.000.000đ (có làm biên nhận). Và có hẹn 06 tháng sau sẽ trả, sau đó V không trả. Ông T cầu ông Hồ Tuấn V trả số tiền 23.000.000đ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Hồ Tuấn V vắng mặt không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Hồ Tuấn V hoàn trả số tiền 23.000.000đ và không yêu cầu tính lãi theo như "biên nhận" ngày 29/9/2015 nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp đòi tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là ông V vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông V là yêu cầu ông V trả 23.000.0000đ và không yêu cầu tính lãi; Về chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì ông T đã xuất trình được "biên nhận ngày 29/9/2015 âm lịch" thể hiện việc ông V còn nợ ông T là đúng sự thật. Ông V vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không có chứng cứ, chứng minh việc mình đã trả nợ cho ông T. Như vây, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T Tòa án căn cứ vào các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông V là đúng quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Buộc ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 163 164, 166 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với ông Hồ Tuấn V về việc "*tranh chấp đòi tài sản*"

- Buộc ông Hồ Tuấn V phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

2. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Hồ Tuấn V phải chịu số tiền 1.150.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Hoàn lại cho ông Lê Văn T số tiền tạm ứng án phí là 575.000đ theo biên lai thu số 0001412 ngày 15/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

4. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện M
-TAND tỉnh L;
- Lưu HS.

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Vũ Khanh